

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 100 ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang )

Tên chương trình: Đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Quản lý kinh tế (Economic Managements)

Mã ngành: 60340410

Loại hình đào tạo: Chính quy

## 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ quản lý kinh tế bậc thạc sĩ, định hướng ứng dụng, có phẩm chất chính trị vững vàng, tư cách đạo đức và thái độ tốt, nắm vững các kiến thức lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nói chung và quản lý kinh tế nói riêng.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

#### 1.2.1. Về kiến thức:

- Nắm vững những kiến thức chuyên sâu và cập nhật về khoa học quản lý nói chung và quản lý kinh tế nói riêng;
- Có khả năng tổ chức công tác quản lý trong các tổ chức kinh tế xã hội của nền kinh tế;
- Có kiến thức và khả năng hoạch định, tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch, chiến lược, các chính sách, các dự án phát triển kinh tế xã hội;
- Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn phát triển kinh tế xã hội;
- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin để thực hiện công tác quản lý kinh tế.

#### 1.2.2. Về kỹ năng:

- Có kỹ năng lãnh đạo và năng lực làm việc độc lập;
- Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ hiện đại trong quản lý;
- Có các kỹ năng phân tích và ra quyết định, kỹ năng quản lý và tổ chức sản xuất-kinh doanh, quản lý tài chính, quản lý nhân lực, lập kế hoạch, quản lý sự thay đổi, quản lý rủi ro....
- Có kỹ năng tốt trong giao tiếp và đàm phán.

### *1.2.3. Về đạo đức nghề nghiệp:*

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt;
- Trung thực và tâm huyết với nghề đã chọn;
- Đáp ứng được yêu cầu công tác cho mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quản lý

Nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội khác về lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế.

## **2. Thời gian đào tạo**

Tổng thời gian đào tạo là 2 năm, được chia thành 04 học kỳ.

## **3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Toàn bộ chương trình được thiết kế bao gồm 27 học phần và một luận văn tốt nghiệp với tổng số 62 tín chỉ. Chương trình đào tạo được phân bố như sau:

Phần kiến thức chung: 8 tín chỉ (12,90 %)

Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 45 tín chỉ (72,58 %)

Luận văn tốt nghiệp: 9 tín chỉ (14,52 %)

Tổng số: 62 tín chỉ (100%)

Khối lượng kiến thức bắt buộc ngoài phần kiến thức chung 2 học phần (8 tín chỉ). Các học phần cơ sở và chuyên ngành, có 9 học phần bắt buộc (27 tín chỉ), phần lựa chọn của kiến thức cơ sở và chuyên ngành 6/16 học phần (18/48 tín chỉ) và Luận văn tốt nghiệp (9 tín chỉ).

## **4. Đối tượng tuyển sinh**

Người dự tuyển vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang có đủ các điều kiện sau:

### *a. Về văn bằng:*

Đã tốt nghiệp đại học khối ngành kinh tế hoặc các ngành khác tại trường đại học trong hay ngoài nước được Bộ GD&ĐT công nhận. Chuyên ngành đào tạo của người dự tuyển phân chia thành 3 nhóm: ngành đúng - ngành phù hợp; ngành gần và ngành khác.

### *b. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:*

Đối tượng có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Những đối tượng còn lại được dự thi sau khi tốt nghiệp tối thiểu một năm kể từ ngày được công nhận tốt nghiệp đại học đến trước ngày thi môn thi tuyển sinh đầu tiên.

### *c. Lý lịch bản thân:*

Rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

*d. Có đủ sức khoẻ để học tập:*

Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định tại điểm e khoản 1, điều 9 của quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo thông tư 15/2014/TT – BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tuỳ tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

## **5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

### **5.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng được thiết kế nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người học có thể tham gia theo học và bảo đảm chất lượng cao nhất. Học viên có thể hoàn thành chương trình và bảo vệ luận văn tốt nghiệp trong thời gian 24 tháng.

### **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo; Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang , cụ thể là:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo (62 TC), có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

b) Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định; luận văn được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư

viện và lưu trữ theo quy định; công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

## 6. Thi, kiểm tra, đánh giá

Việc thi, kiểm tra đánh giá học phần được thực hiện theo điều 25 của Quy chế đào tạo thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo; theo điều 26 của Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang.

## 7. Nội dung chương trình

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số tín chỉ	LT	TH, TN, TL
		<b>Phần kiến thức chung</b>	<b>8</b>		
LLC	3001	Triết học (Philosophy)	4	3	1
THN	3001	Tiếng Anh (English)	4	2	2
		<b>Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>	<b>45</b>		
		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<b>27</b>		
KTE	3001	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	2	1
KTE	3002	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	2	1
QTK	3003	Khoa học quản lý (Management Sciences)	3	2,5	0,5
QTK	3004	Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế xã hội (Socio-Economic Development Strategy and Planning)	3	2,5	0,5
KTE	3005	Kinh tế phát triển (Economics of Development)	3	2	1
QTK	3006	Quản lý Nhà nước về kinh tế (State Management on Economy)	3	2	1
QTK	3007	Quản lý dự án (Project Management)	3	2	1

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số tín chỉ	LT	TH, TN, TL
KTE	3008	Kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường (Environmental and Natural Resource Economics and Management)	3	2	1
QTK	3009	Chính sách và quản lý công (Public Policy and Management)	3	2,5	0,5
		<b>Các học phần lựa chọn (18/48)</b>			
KTE	3010	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế (Applied Informatics in Economic Management)	3	1,5	1,5
KTE	3011	Kinh tế lượng (Econometrics)	3	2	1
QTK	3012	Tâm lý học lãnh đạo quản lý (Leadership Psychology)	3	2,5	0,5
KTE	3013	Luật kinh tế (Economic Laws)	3	2,5	0,5
QTK	3014	Kỹ năng ra quyết định trong quản lý (Decision Making Skills)	3	1,5	1,5
KTE	3015	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý kinh tế (Research Methodology in Economic Management)	3	2	1
KTO	3016	Tài chính công (Public Economics)	3	2	1
QTK	3017	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực (Human Resources Management and Development)	3	2	1
QTK	3018	Quản trị marketing (Marketing Management)	3	2	1
QTK	3019	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	3	2	1
QTK	3020	Quản lý giá và thị trường (Market and Price Management)	3	2	1
QTK	3021	Quản trị rủi ro (Risk Management)	3	2	1
KTE	3022	Quản lý kinh tế nông nghiệp (Agricultural Economic Management)	3	2	1
KTE	3023	Kinh tế và quản lý đầu tư (Investment Economics Management)	3	2	1
KTE	3024	Kinh tế công cộng (Public Economics)	3	2,5	0,5
KTE	3025	Kinh tế quốc tế (International Economics)	3	2,5	0,5
KTE	3026	<b>Luận văn (Thesis)</b>	<b>9</b>		
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>62</b>		

## **8. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần.**

### **8.1. Triết học (4 TC: 3LT – 1TH)**

Chương trình môn Triết học giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; cung cấp những nội dung cơ bản của phép biện chứng và phép biện chứng Mác xít; cung cấp những nội dung khoa học về nhận thức luận duy vật biện chứng; học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, cung cấp những nội dung cơ bản về lý luận HTKT-XH và vận dụng vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; hệ thống hóa các quan điểm triết học chính trị của các trào lưu triết học điển hình trong lịch sử; cung cấp những nội dung cơ bản về ý thức xã hội trên lập trường duy vật biện chứng; bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người.

### **8.2. Tiếng Anh (4 TC: 2LT – 2TH)**

Học viên được trang bị và củng cố lại các kiến thức cũ đã học và được giới thiệu thêm các dạng ngữ pháp mới như các thì hiện tại, tiếp diễn, quá khứ, tương lai, liên từ, giới từ, cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu, mệnh đề quan hệ, câu bị động, câu trực tiếp, gián tiếp trong tiếng Anh. Cung cấp vốn từ vựng và thuật ngữ theo các chủ đề cụ thể trong từng bài học. Ngoài ra, môn học cung cấp cho học viên những kiến thức về cuộc sống hàng ngày như: văn hóa, phong tục, ẩm thực, trang phục, phong tục tập quán ... của các quốc gia trên thế giới. Làm quen và nắm bắt được các thuật ngữ chuyên ngành kinh tế thường gặp trong khi đọc, viết và giao tiếp khoa học trong lĩnh vực Quản lý kinh tế; nhận dạng và biết vận dụng các dạng ngữ pháp thường gặp trong tiếng Anh chuyên ngành; tiếp cận với văn phong khoa học, trong các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh và vận dụng chúng khi viết các tài liệu khoa học quản lý kinh tế bằng tiếng Anh.

### **8.3. Kinh tế vi mô (3 TC: 2LT - 1TH)**

Trên cơ sở những kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô ở bậc đại học, học phần này tập trung vào cung cấp cho người học những kiến thức kinh tế vi mô nâng cao về: lý thuyết thuế, thất bại của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ, hiệu quả pareto và ứng xử của người tiêu dùng lẫn người sản xuất, ứng dụng của kinh tế vi mô vào phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến cân bằng và phản ứng của thị trường.

#### **8.4. Kinh tế vĩ mô (3 TC: 2LT - 1TH)**

Trên cơ sở củng cố và nâng cao các kiến thức về chính sách và công cụ kinh tế vĩ mô, học phần này cung cấp thêm các kiến thức nâng cao về: sự không ổn định của nền kinh tế và chính sách ổn định hoá; lạm phát và các biện pháp chống lạm phát; tăng trưởng kinh tế và bài học kinh nghiệm từ các nước; thực trạng những vấn đề kinh tế vĩ mô của Việt Nam giúp nghiên cứu, đánh giá và nhận định các vấn đề kinh tế trong thực tiễn đúng xu thế và hợp quy luật

#### **8.5. Khoa học quản lý (3 TC: 2,5LT – 0,5TH)**

Trang bị cho học viên hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý; các phẩm chất, năng lực cần có của người quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý trong thế kỷ XXI; các quan điểm tiếp cận mới đối với các chức năng quản lý: lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra; thế kỷ XXI và thông tin trong quản lý. Bước đầu trang bị kiến thức về kỹ năng quản lý, về nghiên cứu và tư vấn quản lý.

#### **8.6. Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế xã hội (3 TC: 2,5LT – 0,5TH)**

Học phần cung cấp các kiến thức về bản chất và phương pháp tiếp cận của kế hoạch và chiến lược phát triển, nội dung của kế hoạch và chiến lược phát triển, trình tự xây dựng; tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá chiến lược và kế hoạch phát triển trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

#### **8.7. Kinh tế phát triển (3 TC: 2LT - 1TH)**

Cung cấp những lý thuyết về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển: một số vấn đề liên quan đến tăng trưởng và phát triển; các học thuyết về kinh tế phát triển; các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế: lao động, vốn, tài nguyên và công nghệ; một số vấn đề xã hội và sự phát triển kinh tế; quan hệ quốc tế và sự phát triển kinh tế; các mô hình phát triển và vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam.

#### **8.8. Quản lý Nhà nước về kinh tế (3 TC: 2LT - 1TH)**

Cung cấp những lý thuyết cơ bản về nền kinh tế thị trường và vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế; bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế; công cụ, phương thức và ra

quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế; Quản lý nhà nước đối với các ngành và tổ chức kinh tế.

### **8.9. Quản lý dự án (3 TC: 2LT - 1TH)**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về dự án và chu trình quản lý dự án, cách thức xây dựng dự án; phân tích các chỉ tiêu đánh giá dự án ứng dụng phân tích dự án; quản lý dự án và thẩm định dự án kinh tế; các mô hình phát triển và vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam.

### **8.10. Kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường (3 TC: 2LT - 1TH)**

Môn học sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức nâng cao về vấn đề cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, mất đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu ... trên thế giới đang gia tăng, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc quản lý môi trường, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên và kiểm soát ô nhiễm.

### **8.11. Chính sách và quản lý công (3TC: 2,5LT-0,5TH)**

Học phần Chính sách và quản lý công sẽ cung cấp các kiến thức hệ thống, cập nhật về chính sách công, bao gồm: Cơ sở khoa học của chính sách công; bản chất của chính sách công; cấu trúc và hình thức biểu hiện của chính sách công; chu trình chính sách công; hoạch định chính sách công; các phương pháp cơ bản phân tích chính sách công; tổ chức thực hiện chính sách công; giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực thi chính sách công; và thu thập thông tin phản hồi về việc thực thi chính sách công.

### **8.12. Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế (3 TC: 1,5LT – 1,5TH)**

Học phần này được giảng dạy cho học viên cao học năm thứ nhất nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng làm việc với dữ liệu trên máy tính, tiếp cận với các vấn đề mới của CNTT ứng dụng trong nghiên cứu và quản lý kinh tế. Nội dung chính là cung cấp các thủ tục xử lý và phân tích dữ liệu bằng một phần mềm chuyên dụng, bao gồm: Kỹ thuật tổ chức thông tin và dữ liệu trên máy tính; các thủ tục và phương pháp phân tích mối quan hệ giữa các biến. Học phần đặc biệt chú trọng cung cấp cho học viên các thủ tục phân tích, kiểm định, xây dựng các mô hình hồi quy gồm: hồi quy cổ điển, hồi quy với biến giả, hồi quy logistic, hồi quy probit đây là những công cụ ứng dụng chủ yếu hỗ trợ phân tích các mối quan hệ trong kinh tế.



### **8.13. Kinh tế lượng (3 TC: 2LT - 1TH)**

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản và các công cụ toán học về phân tích mối quan hệ kinh tế, phân tích sự khác biệt về kinh tế xã hội và các nhân tố ảnh hưởng đến biến số thể hiện mục tiêu kinh tế. Đồng thời phân tích sự khác biệt giữa các biến số kinh tế bằng bảng số liệu. Nghiên cứu và tổng hợp một số mô hình phân tích kinh tế dạng định lượng.

### **8.14. Tâm lý học lãnh đạo quản lý (3 TC: 2,5LT – 0,5TH)**

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề cấp thiết của tâm lý học lãnh đạo quản lý hiện nay. Những hiện tượng tâm lý trong hoạt động quản lý và lãnh đạo, nhân cách những người lãnh đạo trong quản lý, uy tín người lãnh đạo, quản lý, những yếu tố tâm lý trong công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ, yếu tố tâm lý trong các quá trình kinh tế xã hội.

### **8.15. Luật kinh tế (3 TC: 2,5LT – 0,5TH)**

Các nội dung của học phần này cập nhật những vấn đề chuyên sâu của Luật kinh tế và được xây dựng dưới dạng các chuyên đề gồm: Lý luận về quyền tự do kinh doanh; thành lập và quản trị các chủ thể kinh doanh; hợp đồng thương mại và tài pháp kinh tế; pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trong mỗi chuyên đề bao gồm các nội dung có liên quan mật thiết với nhau, phản ánh những khía cạnh đa chiều về một chủ đề cốt lõi. Thông qua phương pháp tiếp cận theo hướng tăng cường thảo luận, trao đổi hai chiều giữa giảng viên với học viên, nội dung các chuyên đề nhấn mạnh đến việc áp dụng các quy định của Luật kinh tế trong thực tiễn đời sống

### **8.16. Kỹ năng ra quyết định trong quản lý (3 TC: 1,5LT – 1,5TH)**

Môn học này nghiên cứu về tổng quan lý thuyết ra quyết định; tối ưu hóa trong nền kinh tế thị trường; sử dụng các mô hình toán để tối ưu hóa; tối ưu hóa sử dụng các mô hình kinh tế lượng; sử dụng phương pháp phân tích phương sai để lựa chọn quyết định; ứng dụng các chỉ tiêu tài chính trong việc lựa chọn quyết định; các yếu tố định tính ảnh hưởng đến việc ra quyết định và hướng lựa chọn; rủi ro trong việc ra quyết định.

### **8.17. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý kinh tế (3 TC: 2LT - 1TH)**

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng tổ chức và thực hiện một nghiên cứu độc lập; cấu trúc cơ bản của nghiên cứu; quá trình nghiên cứu; các phương pháp cơ bản sử dụng trong phân tích, xử lý thông tin kinh tế và quản lý; và viết bài cho tạp chí. Đây là học phần giúp học viên phối kết hợp các kiến thức của các môn

học khác nhau trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, các nội dung đều là bậc nâng cao và định hướng nghiên cứu độc lập. (cụ thể trong chương trình đại học nội dung xây dựng đề cương nghiên cứu cũng được đề cập nhưng không phải dạng khung logic (logframe).

#### **8.18. Tài chính công (3 TC: 2LT - 1TH)**

Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công, như: khu vực công và lý thuyết về hiệu quả và công bằng; hàng hóa công và chi tiêu công; các nội dung, công cụ và phương pháp quản lý tài chính công truyền thống và hiện đại; những nội dung cơ bản về NSNN và quản lý NSNN; quản lý chu trình NSNN và công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán NSNN; ngân sách nhà nước và tài trợ bội chi ngân sách; quản lý nợ công.

#### **8.19. Quản lý và phát triển nguồn nhân lực (3 TC: 2LT - 1TH)**

Nội dung học phần bao gồm: nhập môn; hoạch định, tuyển dụng, đánh giá và phát triển nguồn nhân lực; tổ chức và quản lý tiền công, tiền lương; quan hệ lao động; và quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.

#### **8.20. Quản trị marketing (3TC:2LT-1TH)**

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về ý nghĩa, vai trò của quản trị marketing và các nhà quản trị marketing trong hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh. Môn học giải thích toàn bộ tiến trình quản trị marketing với các bước cần thiết. Phân tích – hoạch định – thực hiện – kiểm tra mà nhà quản trị marketing phải thực hiện.

#### **8.21. Quản trị chiến lược (3TC:2LT-1TH)**

Tổng quan về chiến lược và Quản trị chiến lược; nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp, nghiên cứu môi trường kinh doanh và phân tích nội bộ doanh nghiệp, chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp bộ phận doanh nghiệp, phân tích và lựa chọn chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược; kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

#### **8.22. Quản lý giá và thị trường (3TC:2LT-1TH)**

Bản chất sự can thiệp của nhà nước vào giá và thị trường; vai trò can thiệp của nhà nước vào giá và thị trường; mục tiêu can thiệp của nhà nước vào giá và thị trường; quản lý nhà nước về thị trường yếu tố sản xuất và thị trường sản phẩm (mục tiêu, công cụ, biện pháp, kết quả và tác động); quản lý nhà nước về giá cả (mục tiêu, công cụ, biện pháp, kết quả và tác động).

### **8.23. Quản trị rủi ro (3TC:2LT-1TH)**

Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ cho giới kinh doanh mà cho cả các lãnh vực đời sống bình thường. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro.

### **8.24. Quản lý kinh tế nông nghiệp (3TC:2LT-1TH)**

Trong bối cảnh hội nhập, Việt Nam chính thức tham gia vào các tổ chức như AFTA và WTO, TPP... thì phát triển nông nghiệp là một vấn đề mới và phức tạp. Trong chương trình đào tạo thạc sĩ, môn học quản lý kinh tế nông nghiệp là sự phát triển và nâng cao các kiến thức đã được trang bị ở bậc đại học thông qua việc cung cấp các kiến thức nâng cao về quản lý kinh tế trong nông nghiệp như: nông nghiệp và những vấn đề đặt ra cho quản lý kinh tế nông nghiệp; quản lý thành phần kinh tế và tổ chức kinh tế trong nông nghiệp, quản lý các nguồn lực trong nông nghiệp; quản lý thị trường trong nông nghiệp; quản lý nông nghiệp và hội nhập quốc tế; phát triển nông nghiệp bền vững.

### **8.25. Kinh tế và quản lý đầu tư (3TC:2LT-1TH)**

Học phần này trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý hoạt động đầu tư phát triển. Cụ thể, môn học nghiên cứu những vấn đề về bản chất, vai trò của đầu tư phát triển; nội dung cơ bản của hoạt động đầu tư ở phạm vi quốc gia; nguồn vốn và giải pháp huy động vốn cho đầu tư; công tác tổ chức quản lý và kế hoạch đầu tư; đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển; mối quan hệ giữa đầu tư, tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô đầu tư... Học phần Kinh tế và quản lý đầu tư giảng dạy cho hệ cao học khác với nội dung giảng dạy cho bậc đại học về cách tiếp cận, phương pháp giải quyết các vấn đề nghiên cứu, nội dung nghiên cứu được nâng cao, nhấn mạnh đến khía cạnh liên hệ thực tiễn Việt Nam.

### **8.26. Kinh tế công cộng (3TC:2,5LT-0,5TH)**

Phân biệt các đặc điểm đặc thù kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường và cơ chế thị trường không cạnh tranh; các thất bại của kinh tế thị trường cần các chính sách của chính phủ để giảm thiểu tổn thất phúc lợi xã hội; lý thuyết về chi tiêu công, đánh

giá các chương trình chi tiêu; cơ chế tư nhân trong phân phối nguồn lực và cơ chế công cộng trong phân phối nguồn lực; thuế và ảnh hưởng của thuế tới hãng cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, ngắn hạn, dài hạn, cung lao động và xuất nhập khẩu.

### **8.27. Kinh tế quốc tế (3TC:2,5LT-0,5TH)**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, quan hệ kinh tế về thương mại, đầu tư... giữa các quốc gia ngày càng phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Sự phân công lao động diễn ra không chỉ giữa các quốc gia, quốc tế mà cả giữa các doanh nghiệp. Các quan hệ kinh tế quốc tế diễn ra rất đa dạng, phong phú trên các lĩnh vực thương mại, đầu tư, chuyển giao công nghệ và các lĩnh vực khác. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức căn bản và nâng cao về quan hệ kinh tế quốc tế, từ đó vận dụng phân tích thực tiễn phát triển kinh tế, chiến lược hội nhập kinh tế của Việt Nam và các doanh nghiệp.

### **8.28. Luận văn (9TC)**

Luận văn Thạc sĩ đào tạo theo **định hướng ứng dụng** là một báo cáo chuyên đề, kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế. Học viên được phép bảo vệ luận văn thạc sĩ sau khi hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành.

## 9. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

### Học kỳ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Chia ra (số giờ TC)		Mã học phần tiên quyết
				LT (tiết)	TH (giờ)	
1	LLC 3001	Triết học	4	3	1	
2	THN 3001	Tiếng Anh	4	2	2	
3	KTE 3001	Kinh tế vi mô	3	2	1	
4	KTE 3002	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	
5	QTK 3003	Khoa học quản lý	3	2,5	0,5	
6	QTK 3004	Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế xã hội	3	2,5	0,5	
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>			

### Học kỳ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Chia ra (số giờ TC)		Mã học phần tiên quyết
				LT (tiết)	TH (giờ)	
1	KTE 3005	Kinh tế phát triển	3	2	1	KTE 3001 KTE 3002
2	QTK 3006	Quản lý Nhà nước về kinh tế	3	2	1	KTE 3001 KTE 3002
3	KTE 3008	Kinh tế và quản lý tài nguyên, môi trường	3	2	1	KTE 3001
		<b>Kiến thức lựa chọn (6 TC)</b>				
4	KTE 3010	Tin học ứng dụng trong Quản lý kinh tế	3	1,5	1,5	
5	KTE 3011	Kinh tế lượng	3	2	1	
		<b>Cộng:</b>	<b>15</b>			

### Học kỳ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Chia ra (số giờ TC)		Mã học phần tiên quyết
				LT (tiết)	TH (giờ)	
1	QTK 3007	Quản lý dự án	3	2	1	KTE 3001
2	QTK 3009	Chính sách và quản lý công	3	2,5	0,5	

		<b>Kiến thức lựa chọn (12 TC)</b>				
3	QTK 3018	Quản trị marketing	3	2	1	
4	QTK 3019	Quản trị chiến lược	3	2	1	
5	KTE 3022	Quản lý kinh tế nông nghiệp	3	2	1	KTE 3001 QTK 3006
6	KTE 3015	Phương pháp NCKH trong quản lý kinh tế	3	2	1	KTE 3011
<b>Tổng cộng:</b>			<b>18</b>			

#### **Học kỳ 4**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Chia ra (số giờ TC)		Mã học phần tiên quyết
				LT (tiết)	TH (giờ)	
1	KTE 3026	Luận văn tốt nghiệp	9			
<b>Tổng cộng :</b>			<b>9</b>			

### **10. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

#### **10.1. Tổ chức đào tạo**

Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ này được sử dụng đào tạo trình độ thạc sĩ quản lý kinh tế.

Chương trình được tổ chức giảng dạy trong 4 học kỳ:

- Học kỳ 1 dự kiến giảng dạy 6 học phần thuộc phần kiến thức chung, phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành, tổng số 20 tín chỉ bắt buộc.

- Học kỳ 2 dự kiến giảng dạy 5 học phần, trong đó 3 học phần bắt buộc, 2 học phần tự chọn, thuộc phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Tổng số 15 tín chỉ, trong đó 9 tín chỉ bắt buộc, 6 tín chỉ tự chọn.

- Học kỳ 3 dự kiến giảng dạy 6 học phần, trong đó 2 học phần bắt buộc, 4 học phần tự chọn, thuộc phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Tổng số 18 tín chỉ, trong đó 6 tín chỉ bắt buộc, 12 tín chỉ tự chọn.

- Học kỳ 4 dự kiến thực hiện 9 tín chỉ luận văn tốt nghiệp.

#### **10.2. Quy đổi thời gian**

- Tỷ lệ thời gian học lý thuyết và thực hành của học phần là: lý thuyết 70%, thực hành 30 %. Số tín chỉ thực hành của học phần tối thiểu 0,5 tín chỉ;

- 1 tín chỉ (1TC) = 15 tiết lý thuyết; 30 tiết bài tập, thảo luận; 30 giờ thí nghiệm, thực hành; 60 giờ (1,5 tuần) thực tập, bài tập lớn, đồ án, tiểu luận;

- Luận văn tốt nghiệp được bố trí 9 tín chỉ, tương đương với quỹ thời gian là 24 tuần. Thực hiện luận văn thạc sĩ theo điều 27 của Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

### ***10.3. Về việc lựa chọn các học phần tự chọn***

- Tổng các học phần tự chọn trong chương trình là 16 học phần bằng 48 tín chỉ, để hoàn thành chương trình đào tạo học viên phải lựa chọn 18/48 tín chỉ.

Việc tổ chức đào tạo, đánh giá, xếp loại và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

---